

Số: 271/2019/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 18 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 444/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đỗ Đức A, sinh năm 1983

HKTT: Số 16, ngõ 102, đường Nguyễn Duy N, tổ dân phố số 3, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện tại: Số nhà 01, ngõ 59, tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Hoàng Ngọc T, sinh năm 1993

HKTT: Số 16, ngõ 102, đường Nguyễn Duy N, tổ dân phố số 3, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện tại: Số nhà 205A, đường Trần Quang K, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Đức A và chị Hoàng Ngọc T đăng ký kết hôn ngày 22/9/2017 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh A và chị T chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, từ đó dẫn đến việc thường xuyên xung đột và cãi vã. Vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/11/2019, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh A, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh A, chị T là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận.

[2] Về con chung: Anh A và chị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh A, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh A, chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí Tòa án là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Đức A và chị Hoàng Ngọc T thuận tình ly hôn.
- *Về con chung, về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự đều xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh A và chị T mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh A, chị T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000693 ngày 04/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh A, chị T đã thi hành xong lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND p.T, tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương Giang